



BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG  
CƠ QUAN THƯỜNG TRỰC CỦA ỦY BAN QUỐC GIA VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ

# BÁO CÁO CHUYÊN ĐỀ

Số: 31/BC-UBQGCĐS

Tài liệu tham khảo phục vụ Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số

Ngày 26 tháng 6 năm 2023

LƯU HÀNH NỘI BỘ

Bộ Thông tin và Truyền thông, Cơ quan thường trực của Ủy ban Quốc gia về Chuyển đổi số kính gửi báo cáo chuyên đề tham khảo phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều phối của Ủy ban Quốc gia và Ban chỉ đạo Chuyển đổi số của các bộ, ngành, địa phương như sau:

## TỔNG QUAN KẾT NỐI, CHIA SẺ DỮ LIỆU

Trong kỷ nguyên số, dữ liệu số (dữ liệu) được coi là tài nguyên quốc gia mới trong công cuộc chuyển đổi số. Đây là loại tài nguyên mới không tiêu hao, càng dùng thì càng được sinh ra nhiều hơn, càng dùng thì càng tạo ra giá trị hơn. Giá trị của dữ liệu thể hiện ở việc nó được biến thành thông tin, thành tri thức của con người, quốc gia và của cả nhân loại.

Báo cáo Chính phủ điện tử của Liên Hợp Quốc năm 2020 lần đầu tiên đã đặt dữ liệu vào vị trí quan trọng để đánh giá mức độ phát triển của chính phủ điện tử, điều này thể hiện sự dịch chuyển về vị trí và vai trò của dữ liệu.

Tuy nhiên, ở Việt Nam dữ liệu vẫn chưa được chú trọng đúng mức. Dữ liệu trong chính phủ còn phân tán, rời rạc; khả năng sử dụng lại thấp; chia sẻ còn manh mún, chưa tận dụng hết được tiềm năng của dữ liệu. Chưa có khung chính sách, quy định, định hướng rõ ràng đối với quản lý, phát triển dữ liệu ở khu vực ngoài nhà nước để điều chỉnh các hành vi sở hữu, sử dụng, kinh doanh, chuyển giao, ... dữ liệu của người dân, tổ chức, doanh nghiệp.

Vì vậy, trong thời gian tới, để phát huy hiệu quả của dữ liệu, các bộ, ngành, địa phương cần:

- Trong phát triển chính phủ số: Cần tích cực rà soát, củng cố, hoạch định, bổ sung làm giàu dữ liệu, cơ sở dữ liệu trong cơ quan nhà nước; tăng cường kết nối, chia sẻ dữ liệu, tạo điều kiện tốt để dữ liệu lưu thông giữa các cơ quan; khai thác dữ liệu phục vụ cải cách hành chính, cung cấp dịch vụ công, nâng



*cao năng lực chỉ đạo điều hành; triển khai các hoạt động quản trị dữ liệu, bảo đảm chất lượng dữ liệu và phát triển bền vững.*

*- Trong phát triển kinh tế số và xã hội số: Cần tích cực cung cấp dữ liệu mở, dịch vụ chia sẻ dữ liệu cho các tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp để thực thi chủ trương nhà nước kiến tạo phát triển qua dữ liệu; thúc đẩy việc chia sẻ, sử dụng, khai thác dữ liệu trong xã hội an toàn, hiệu quả và tiết kiệm.*

*Năm 2022, Bộ Thông tin và Truyền thông xác định là năm đưa người dân lên các nền tảng số với nhiều nền tảng số quốc gia được công bố phát triển. Năm 2023, Thủ tướng Chính phủ - Chủ tịch của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số xác định là Năm “**Dữ liệu số quốc gia**” để thúc đẩy phát triển dữ liệu, tận dụng hiệu quả sự bùng nổ dữ liệu trên các nền tảng số Việt Nam. Bộ Thông tin và Truyền thông sẽ “**cầm nhịp**” Năm Dữ liệu số quốc gia, tạo ra sự thay đổi căn bản về dữ liệu của Việt Nam.*

## **1. Về sự cần thiết của việc kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước**

Tại Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030, xác định rõ quan điểm phát triển dữ liệu trong Chính phủ số, đó là: “**Dữ liệu là tài nguyên mới. Cơ quan nhà nước mở dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở phục vụ phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số. Các cơ quan nhà nước kết nối, chia sẻ dữ liệu để người dân chỉ phải khai báo, cung cấp dữ liệu một lần cho các cơ quan nhà nước và các đơn vị cung ứng dịch vụ công thiết yếu**”; tại Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số, xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, Thủ tướng Chính phủ cũng đã nêu rõ quan điểm: “**Công nghệ số và dữ liệu số thấm sâu một cách tự nhiên mặc định vào mọi mặt sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và đời sống của người dân**”.

Để đẩy mạnh việc kết nối, chia sẻ dữ liệu của cơ quan nhà nước, Bộ Thông tin và Truyền thông đã tham mưu Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 02/CT-TTg ngày 26/4/2022 về phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số, thúc đẩy chuyển đổi số quốc gia, trong đó, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương: “**Thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu hiệu quả, thông suốt giữa các cơ quan nhà nước bảo đảm tránh đầu tư chồng chéo, lãng phí, tuân thủ đúng quy định của Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ. Công khai danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung, danh mục các dịch vụ chia sẻ dữ liệu; hạn chế cung cấp thông tin qua hình thức văn bản đối với thông tin đã được khai thác qua hình thức kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin. Không thu thập lại dữ liệu hoặc yêu cầu người dân, doanh nghiệp cung cấp thông tin, dữ liệu khi thực hiện thủ tục hành chính nếu thông tin, dữ liệu này đã được cơ quan nhà nước kết nối, chia sẻ, trừ trường hợp thông tin, dữ liệu không bảo đảm**



*yêu cầu về chất lượng, theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành hoặc pháp luật có quy định khác”.*

Việc kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước, đặc biệt là dữ liệu từ các Cơ sở dữ liệu quốc gia (CSDLQG), các hệ thống thông tin (HTTT) có quy mô, phạm vi từ trung ương đến địa phương sẽ giúp tối đa hóa giá trị dữ liệu; nâng cao chất lượng dịch vụ công cung cấp cho người dân và doanh nghiệp theo hướng lấy người dùng làm trung tâm, người dân và doanh nghiệp không phải cung cấp thông tin thủ công, nhiều lần, đi lại nhiều nơi; tránh đầu tư trùng lặp, gây lãng phí.

Việc tạo lập, kết nối, chia sẻ, mở dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước có ý nghĩa hết sức quan trọng, tạo tiền đề thúc đẩy chuyển đổi số nhanh tại Việt Nam trên cả 03 trụ cột chính phủ số, kinh tế số, xã hội số. Đây cũng là một trong các nội dung chính được Bộ Thông tin và Truyền thông sử dụng để đánh giá mức độ chuyển đổi số của các bộ, ngành, địa phương hằng năm.

Dữ liệu số, lưu thông dữ liệu số được coi huyết mạch và là một trong các yếu tố quyết định sự thành công chuyển đổi số. Tuy nhiên, việc xây dựng, tạo lập, kết nối, chia sẻ, bảo vệ dữ liệu số thời gian vừa qua còn gặp nhiều khó khăn, vướng mắc và hiện là một trong các điểm nghẽn làm chậm tiến trình chuyển đổi số nhanh tại Việt Nam.

## **2. Về hiện trạng kết nối và chia sẻ dữ liệu trên quy mô quốc gia thông qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP)**

Theo Nghị định số 47/2020/NĐ-CP và Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, việc kết nối các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu giữa các bộ, ngành, địa phương trên quy mô quốc gia phải thông qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP). Thực hiện nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao, Bộ Thông tin và Truyền thông đã xây dựng, ban đầu đưa Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia vào sử dụng, phục vụ việc kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu giữa các bộ, ngành, địa phương, tổ chức, doanh nghiệp.

Hiện đã có hơn **90** bộ, ngành, địa phương, tổ chức, doanh nghiệp kết nối với NDXP; có **09** CSDL, **14** hệ thống thông tin đã kết nối, cung cấp dịch vụ chia sẻ dữ liệu trên NDXP. Tổng số giao dịch thông qua NDXP trong năm 2023 (*tính đến hết 18h ngày 07/6/2023*) là: **261.578.283** (trong đó 253.945.769 giao dịch thành công<sup>1</sup>, 7.632.514 giao dịch thất bại<sup>2</sup> (lỗi)).

---

<sup>1</sup> - 01 giao dịch thành công ứng với 01 lượt truy vấn của bên sử dụng dịch vụ chia sẻ dữ liệu và nhận lại được dữ liệu từ bên cung cấp dịch vụ chia sẻ dữ liệu.

<sup>2</sup> 01 giao dịch thất bại ứng với 01 lượt truy vấn của bên sử dụng dịch vụ chia sẻ dữ liệu và không nhận lại được dữ liệu từ bên cung cấp dịch vụ chia sẻ dữ liệu do các lỗi như: hệ thống



Hiệu quả ban đầu mang lại rất lớn, góp phần tiết kiệm thời gian của xã hội, nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công, người dân, doanh nghiệp; nâng cao hiệu quả công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành, thực thi công vụ dựa trên dữ liệu đầy đủ, chính xác, kịp thời. Một số lợi ích chính từ việc kết nối, chia sẻ dữ liệu trên quy mô quốc gia giữa các cơ quan nhà nước, tổ chức, doanh nghiệp có thể kể ra như sau:

(1) Phát triển các dịch vụ, tiện ích theo hướng lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm, người dân, doanh nghiệp không phải kê khai, cung cấp thông tin thủ công nhiều lần, đi lại nhiều nơi;

(2) Tổng hợp thông tin, dữ liệu từ nhiều nguồn để tạo kho dữ liệu dùng chung của bộ, ngành địa phương bảo đảm đầy đủ, chính xác, kịp thời phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành được hiệu quả;

(3) Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của cơ quan nhà nước không phải nhập thông tin thủ công, thao tác nghiệp vụ trên nhiều phần mềm khác nhau;

(4) Tăng cường hiệu quả khai thác các dữ liệu dùng chung trong nội bộ, tránh đầu tư trùng lặp, gây lãng phí;

(5) Cho phép cung cấp dữ liệu mở ra bên ngoài phục vụ khu vực tư xây dựng, phát triển hệ sinh thái ứng dụng, dịch vụ mới cho xã hội; đồng thời cho phép thu thập dữ liệu từ các đối tượng từ khu vực tư mà cơ quan nhà nước cần quản lý phục vụ việc giám sát thực thi pháp luật, điều hành chính sách vĩ mô.

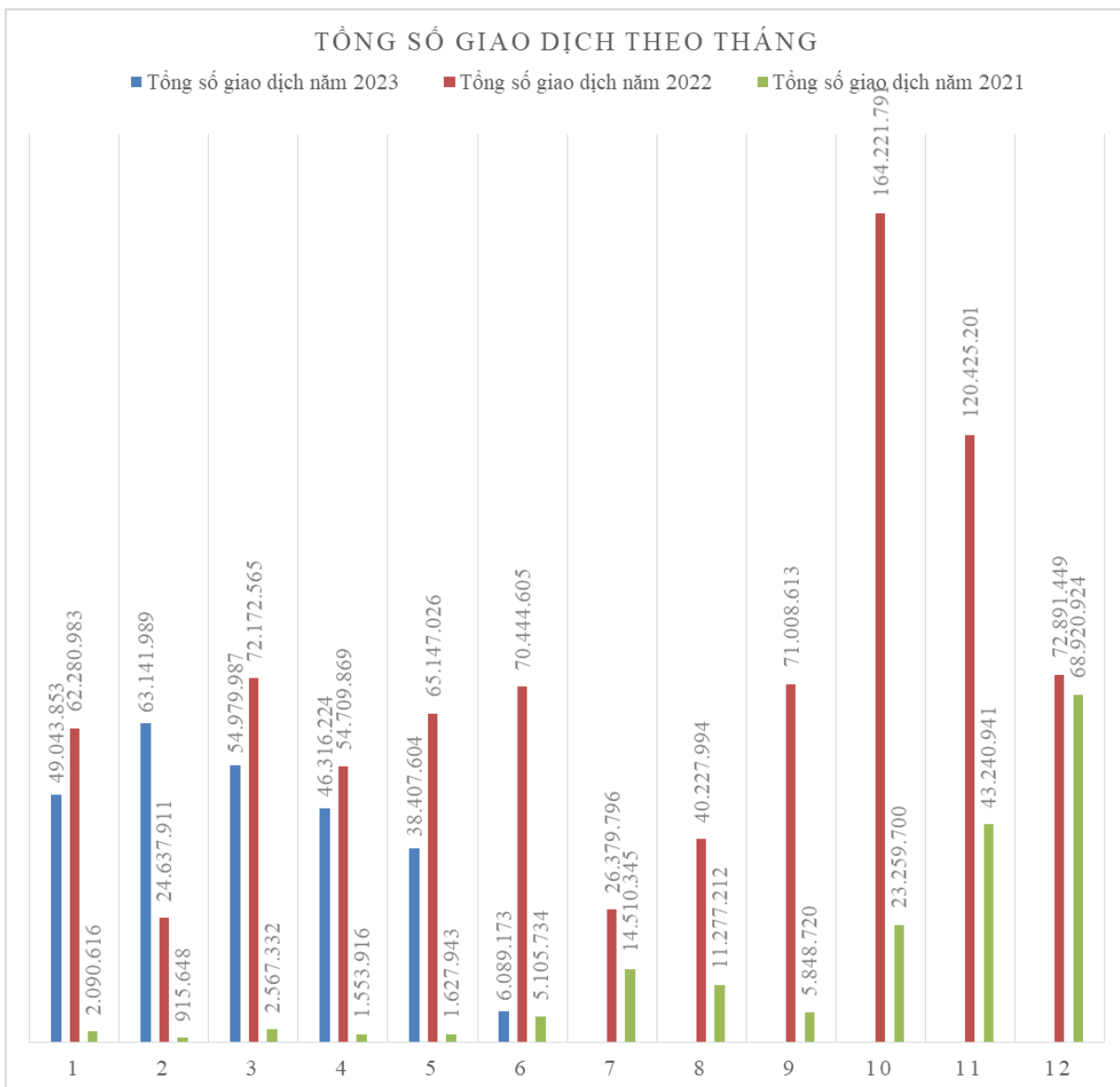
Với các lợi ích bên trên, giả sử 01 giao dịch thành công thông qua NDXP giúp tiết kiệm khoảng **100 đồng** (*thực tế có thể cao hơn*) cho xã hội, thì năm 2023 (*tính đến 18h ngày 07/6/2023*) việc các bộ, ngành, địa phương, tổ chức, doanh nghiệp kết nối, chia sẻ dữ liệu qua NDXP đã góp phần tiết kiệm **khoảng 25 tỷ đồng**.

Tháng	Tổng số giao dịch thành công	Tổng số giao dịch thất bại
1/2023	48.210.461	833.392
2/2023	62.250.310	891.679
3/2023	52.931.875	3.718.743
4/2023	45.935.243	1.543.314
5/2023	38.487.508	584.512
6/2023	6.130.372	60.874
<b>Tổng</b>	<b>253.945.769</b>	<b>7.632.514 (tương ứng 2,92%)</b>

cung cấp dịch vụ bị lỗi, đường truyền bị lỗi, lỗi về xác thực, quyền khai thác dịch vụ, lỗi về định dạng dữ liệu của bên khai thác dịch vụ...



Bảng 1: Tổng số giao dịch trong năm 2023 (tính đến 18h ngày 07/6/2023)



Hình vẽ 1: Thống kê giao dịch qua NDXP theo tháng năm 2021, 2022 và 2023

Các dịch vụ trên NDXP được khai thác nhiều nhất trong năm 2023 (tính đến 18h ngày 07/6/2023):

TT	Dịch vụ	Tổng số giao dịch	Tỷ lệ lỗi
1	Gửi hồ sơ, đồng bộ trạng thái xử lý, trả kết quả giải quyết TTHC về hộ tịch dạng điện tử (Hệ thống thông tin đăng ký và quản lý hộ tịch với HTTT giải quyết TTHC của địa phương)	67.071.102	1,53%
2	Xác thực, cung cấp số định danh, chia sẻ thông tin công dân (CSDLQG về Dân cư cung cấp cho bộ, ngành)	51.854.568	0,03%
3	Dịch vụ chia sẻ thông tin thẻ BHYT từ CSDLQG về Bảo hiểm	27.484.122	1,95%





TT	Dịch vụ	Tổng số giao dịch	Tỷ lệ lỗi
4	Xác thực, gợi ý số định danh, tra cứu thông tin công dân, đồng bộ dữ liệu BHXH (CSDLQG về dân cư với CSDLQG về Bảo hiểm)	21.237.944	0,11%
5	Dịch vụ chia sẻ dữ liệu giấy phép lái xe (Bộ Giao thông vận tải cấp cho các cơ quan có nhu cầu)	18.389.688	5,84%
6	Đồng bộ làm giàu dữ liệu dân cư (CSDLQG về Dân cư với các CSDL/HTTT của bộ, ngành, địa phương, tổ chức, doanh nghiệp)	12.637.802	0,03%
7	Dịch vụ đồng bộ, chia sẻ dữ liệu về công chức, viên chức (CSDLQG về cán bộ, công chức, viên chức với CSDL/HTTT quản lý cán bộ, công chức, viên chức của bộ, ngành, địa phương)	10.791.652	3,38%
8	Tra cứu thông tin doanh nghiệp (CSDLQG về Đăng ký doanh nghiệp với CSDL/HTTT của bộ, ngành)	11.908.654	23,12%
9	Tra cứu thông tin doanh nghiệp, đồng bộ trạng thái xử lý hồ sơ đăng ký doanh nghiệp (CSDLQG về đăng ký doanh nghiệp với Cổng DVC/MCĐT của địa phương) địa phương	9.547.986	5,95%
10	Gửi hồ sơ, đồng bộ trạng thái xử lý, trả kết quả TTHC cấp phiếu lý lịch tư pháp trực tuyến (Hệ thống cấp phiếu lý lịch tư pháp trực tuyến của Bộ Tư pháp HTTT giải quyết TTHC của địa phương)	9.188.297	2,63%

*Bảng 2: Dịch vụ chia sẻ dữ liệu trên NDXP có số lượng truy cập cao nhất*

Thống kê **05** bộ, ngành có số lượt sử dụng dịch vụ chia sẻ dữ liệu (giao dịch) cao nhất qua NDXP năm 2023 (tính đến 18h ngày 07/6/2023):

TỔNG SỐ SỐ LƯỢT SỬ DỤNG DỊCH VỤ		
TT	Bộ, ngành	Tổng số giao dịch khai thác dữ liệu
1	Bộ Công An	45.872.538
2	Bộ Giao thông vận tải	32.782.601
3	Bảo hiểm xã hội Việt Nam	25.817.055
4	Bộ Giáo dục và Đào tạo	25.274.838
5	Kiểm toán nhà nước	11.339.944

*Bảng 3: Các bộ, ngành có số lượt sử dụng dịch vụ chia sẻ dữ liệu cao nhất qua NDXP năm 2023 (tính đến 18h ngày 07/6/2023)*



Thông kê **15** tỉnh/thành phố có số lượt sử dụng dịch vụ chia sẻ dữ liệu (giao dịch) cao nhất qua NDXP năm 2023:

<b>TỔNG SỐ LƯỢT SỬ DỤNG DỊCH VỤ</b>		
<b>TT</b>	<b>Tỉnh/thành phố</b>	<b>Tổng số giao dịch khai thác dữ liệu</b>
1	Lào Cai	42.484.058
2	Quảng Bình	11.663.606
3	Đắk Lắk	10.885.372
4	Long An	7.534.979
5	TP. Hà Nội	7.029.387
6	Nam Định	3.807.441
7	Ninh Thuận	2.109.062
8	Vĩnh Phúc	1.744.752
9	Lai Châu	1.367.670
10	Quảng Ninh	1.201.194
11	TP. Cần Thơ	1.190.048
12	Vĩnh Long	1.032.712
13	Thừa Thiên Huế	1.084.661
14	Thái nguyên	806.269
15	Bắc Giang	814.391

*Bảng 4: Thông kê 15 tỉnh/thành phố có số lượt sử dụng dịch vụ chia sẻ dữ liệu (giao dịch) cao nhất qua NDXP năm 2023 (tính đến 18h ngày 07/6/2023)*

### **3. Một số vấn đề khó khăn, vướng mắc chính**

Một số khó khăn, vướng mắc chính cản trở việc kết nối, chia sẻ dữ liệu thời gian qua có thể kể ra như sau:

a) Các căn cứ pháp lý về việc sử dụng dữ liệu trong các CSDL, HTTT chuyên ngành có giá trị chứng minh, tương đương với giấy tờ bản giấy là chưa đầy đủ, đồng bộ giữa các ngành, lĩnh vực. Do đó, người dân, doanh nghiệp vẫn phải nộp giấy tờ liên quan ở dạng bản giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, sử dụng dịch vụ công, dẫn đến không thúc đẩy kết nối, chia sẻ, sử dụng dữ liệu số, nhiều trường hợp còn làm tăng thêm việc, tăng thêm thời gian xử lý.

b) Các CSDLQG, CSDL chuyên ngành, HTTT có quy mô từ trung ương đến địa phương có tính chất nền tảng chậm được triển khai, đưa vào khai thác trên quy mô quốc gia. Dữ liệu trong các CSDL, HTTT vẫn còn rời rạc, phân tán, trùng lặp, chưa có sự liên kết và thống nhất; người dân, doanh nghiệp vẫn phải kê khai, cung cấp thông tin nhiều lần, thủ công, đi lại nhiều nơi khi thực hiện thủ tục hành chính, sử dụng dịch vụ công; công chức phải xử lý nghiệp vụ trên nhiều phần mềm.

c) Các cơ quan không chủ động, chưa tự nguyện mở dữ liệu cho các cơ quan nhà nước, tổ chức, doanh nghiệp khai thác do lo ngại về tính đầy đủ, chính xác của dữ liệu. Bên cạnh đó, nhiều bộ, ngành, địa phương đã nhận thức được về sự cần thiết



của kết nối, chia sẻ dữ liệu, tuy nhiên, chưa xác định rõ mục đích, nhu cầu cụ thể, thường mong muốn lấy nguyên CSDL của cơ quan khác.

d) Phần lớn các CSDL, HTTT được thiết kế, xây dựng phục vụ theo mục đích của cơ quan chủ quản, được phát triển từ hệ thống nghiệp vụ đã có, sử dụng nhiều công nghệ, tiêu chuẩn khác nhau, chưa được đánh giá, thiết kế, xây dựng, để dùng chung, chia sẻ ra bên ngoài ngay từ ban đầu. Dẫn đến, khi kết nối, chia sẻ dữ liệu thì cần chỉnh sửa, hoàn thiện hệ thống. Việc này không tự thực hiện được mà cần thông qua việc đầu tư, mua sắm, thuê dịch vụ; cần có kinh phí, thời gian để thực hiện, trong khi nhu cầu thực tế thường phải triển khai ngay, có kết quả sớm.

đ) Hạ tầng kỹ thuật, phần mềm ứng dụng, giải pháp bảo đảm an toàn thông tin thường được đầu tư từ trước với kinh phí rất hạn chế, không ổn định; thường không có điều kiện để nâng cấp, cập nhật, gia hạn bản quyền, dẫn đến hiện hoạt động chưa được ổn định, tin cậy (trung bình tỷ lệ lỗi của các dịch vụ chia sẻ dữ liệu khoảng 2%), chưa bảo đảm an toàn, an ninh mạng.

e) Việc xây dựng, ban hành các tiêu chuẩn, quy chuẩn, hướng dẫn kỹ thuật về cấu trúc dữ liệu phục vụ chia sẻ vẫn chưa được các cơ quan chủ quản các CSDL, HTTT quan tâm đúng mực, dẫn đến tình trạng thiếu và không đồng bộ.

g) Tồn tại nhiều nền tảng phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu trên quy mô quốc gia, do đó, các bộ, ngành, địa phương, tổ chức, doanh nghiệp phải thực hiện kết nối, quản lý, vận hành, duy trì, bảo đảm an toàn thông tin cho nhiều kết nối. Việc này dẫn đến sự chồng lán trong triển khai kết nối, khó khăn trong quản lý trên quy mô quốc gia, không tối ưu về mạng lưới, về nguồn lực triển khai, gây bối rối cho các bộ, ngành, địa phương, tổ chức, doanh nghiệp.

h) Chưa có cơ chế, quy định chung về kinh phí vận hành duy trì, thu phí/giá/chi phí phục vụ kết nối, khai thác các CSDLQG, CSDL chuyên ngành, HTTT quốc gia, chia sẻ dữ liệu qua các nền tảng để bảo đảm có nguồn lực quản lý, vận hành, duy trì, bảo đảm an toàn thông tin mạng; dẫn đến dữ liệu không đáp ứng các yêu cầu “đúng, đủ, sạch, sống”, “đọc ngang thông suốt”.

#### **4. Đề xuất, kiến nghị**

Để có thể tạo chuyển biến căn bản về kết nối, chia sẻ dữ liệu của cơ quan nhà nước trong năm 2023 và các năm tiếp theo, Bộ Thông tin và Truyền thông có một số đề xuất, kiến nghị như sau:

a) Thủ tướng Chính phủ xem xét, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị hoàn thành ngay trong năm 2023:

- Bộ Tài chính chủ trì xây dựng cơ chế bảo đảm nguồn kinh phí cho xây dựng, duy trì, vận hành các CSDL các cấp, cho kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước và giữa cơ quan nhà nước với cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp bên ngoài bảo đảm nguồn dữ liệu được “đúng, đủ, sạch, sống”, “đọc ngang thông suốt”.





- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc chính phủ, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ban hành danh mục CSDL dùng chung, công khai thông tin về dịch vụ chia sẻ dữ liệu theo phạm vi quản lý của mình theo quy định của Nghị định số 47/2020/NĐ-CP. Các Bộ ban hành trước, gửi cho Bộ Thông tin và Truyền thông tổng hợp, công khai trên toàn quốc để các địa phương làm căn cứ xác định các cơ sở dữ liệu của mình bảo đảm đồng bộ, tránh chồng lấn.

- Các cơ quan nhà nước hoàn thành phân loại, xác định, phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ an toàn hệ thống thông tin phù hợp với quy định của pháp luật và tiêu chuẩn quốc gia về an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ cho tất cả các HTTT, CSDL chuyên ngành, CSDLQG cần kết nối, chia sẻ với các CSDLQG.

- Các cơ quan nhà nước ưu tiên nguồn lực, đầu tư, mua sắm trang thiết bị, giải pháp về an toàn thông tin cho các HTTT, CSDL đang vận hành cần kết nối, chia sẻ với các CSDLQG nhằm đáp ứng đầy đủ phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, theo chức năng nhiệm vụ của mình, có hướng dẫn, các bộ, ngành, địa phương ưu tiên bố trí kinh phí để đầu tư, mua sắm, hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật, phần mềm ứng dụng, giải pháp an toàn thông tin bảo đảm việc kết nối, chia sẻ dữ liệu được ổn định, thông suốt, tin cậy, an toàn, an ninh mạng.

b) Các giải pháp bộ, ngành, địa phương triển khai thường xuyên, liên tục:

- Rà soát, hoàn thiện các văn bản pháp lý cho phép sử dụng dữ liệu chia sẻ có giá trị pháp lý tương đương với các thông tin, dữ liệu được chia sẻ thông qua văn bản hành chính, nhằm thực hiện các hoạt động nghiệp vụ hành chính, đơn giản hóa các thủ tục hành chính, thành phần hồ sơ, qua đó thúc đẩy nhu cầu khai thác dữ liệu.

- Rà soát các CSDL của mình, xây dựng và công bố các dịch vụ chia sẻ dữ liệu; phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông để triển khai kết nối, đưa lên Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia để tạo điều kiện cho các cơ quan nhà nước, cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp tiếp cận, sử dụng, tránh đầu tư trùng lặp, gây lãng phí.

- Đẩy mạnh xây dựng, chuẩn hóa các quy định/quy chuẩn/tiêu chuẩn/hướng dẫn kỹ thuật về cấu trúc dữ liệu phục vụ kết nối, chia sẻ từ các CSDL, HTTT do mình quản lý theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông, bảo đảm tạo thành một ngôn ngữ kỹ thuật đầy đủ, được sử dụng thống nhất trong trao đổi dữ liệu trên quy mô toàn quốc.

- Chủ động rà soát các dự án đã, đang và sẽ đầu tư về công nghệ thông tin, Chuyển đổi số theo hướng kết nối, sử dụng lại dữ liệu đã có trong các CSDLQG, HTTT quốc gia như: CSDLQG về Dân cư, CSDLQG về đăng ký doanh nghiệp, CSDLQG về Bảo hiểm... bảo đảm sự thống nhất về dữ liệu, tránh chồng chéo, gây lãng phí. Bên cạnh đó cần ưu tiên bố trí nguồn lực vào hoàn thiện dữ liệu trong



các dự án công nghệ thông tin, chuyển đổi số của mình để tài nguyên dữ liệu ngày càng làm giàu.

- Phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông để thực hiện tốt công tác về truyền thông, định hướng cho xã hội về lợi ích của dữ liệu, kết nối, khơi thông dòng chảy dữ liệu như là một trong các điều kiện tiên quyết thúc đẩy chuyển đổi số nhanh, giúp khơi thông dòng chảy vật chất, qua đó mang lại những đóng góp cho xã hội nói chung, cũng như đời sống của mỗi người dân, mỗi doanh nghiệp, tổ chức, mỗi cơ quan nhà nước nói riêng.

Bộ Thông tin và Truyền thông kính báo cáo./.

**BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG**



**Phụ lục 1:**  
**Danh sách CSDL/HTTT đã kết nối, chia sẻ dữ liệu qua NDXP**

STT	CSDL/HTTT	MỤC ĐÍCH
1	Cơ sở dữ liệu quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp (Bộ Kế hoạch và Đầu tư)	<ul style="list-style-type: none"><li>- Các cơ quan nhà nước nói chung: Khai thác thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp nhằm hỗ trợ xác thực, xác minh thông tin doanh nghiệp; hỗ trợ tự động điền vào các biểu mẫu điện tử của dịch vụ công.</li><li>- Đối với các địa phương: Khai thác trạng thái xử lý, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính về đăng ký doanh nghiệp trên địa bàn của mình; thông tin về các doanh nghiệp đã đăng ký hoạt động trên địa bàn của địa phương mình (<i>Tránh tình trạng phải nhập thông tin phục vụ quản lý, thống kê, báo cáo trên 2 phần mềm</i>).</li></ul>
2	Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư (Bộ Công an)	Giúp tiết kiệm đáng kể thời gian và chi phí cho xã hội khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến: Không phải chứng thực, nộp giấy tờ liên quan đến công dân (sổ hộ khẩu, thẻ căn cước công dân, chứng minh thư nhân dân...) mỗi khi thực hiện thủ tục hành chính; không phải cung cấp, kê khai thông tin một cách thủ công nhiều lần; công chức xử lý hồ sơ thuận tiện, nhanh chóng, không phải nhập dữ liệu thủ công trên các phần mềm khác nhau; chưa kể chi phí lưu trữ bản giấy, rủi ro khi tham gia giao thông.
3	Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm (Bảo hiểm Xã hội Việt Nam)	<ul style="list-style-type: none"><li>- Khai thác thông tin phục vụ phòng, chống dịch COVID-19.</li><li>- Khai thác các thông tin về hộ gia đình, cá nhân tham gia bảo hiểm; thông tin thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ dưới 6 tuổi.</li></ul>
4	Cơ sở dữ liệu đất đai quốc gia (phân hệ tập trung tại Bộ Tài nguyên và Môi trường)	Khai thác bản đồ số, dữ liệu danh mục dùng chung lĩnh vực đất đai, thông tin quy hoạch đất đai, hiện trạng sử dụng đất đai của các địa phương phục vụ quản lý nhà nước, phát triển các ứng dụng về quản lý đất đai (LIS) được hiệu quả, đảm bảo đồng bộ trên cả nước.
5	Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức (Bộ Nội vụ)	<ul style="list-style-type: none"><li>- Chia sẻ, đồng bộ dữ liệu giữa các CSDL/HTTT quản lý cán bộ công chức, viên chức của các bộ, ngành, địa phương vào CSDLQG về cán bộ, công chức, viên chức do Bộ Nội vụ quản lý.</li><li>- Khai thác dữ liệu từ CSDLQG về cán bộ, công chức, viên chức phục vụ quản lý, chỉ đạo, điều hành của bộ, ngành, địa phương.</li></ul>
6	Cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản quy phạm pháp luật (Bộ Tư pháp)	Khai thác thông tin về văn bản quy phạm pháp luật, nhằm tránh đầu tư trùng lặp, gây lãng phí trong toàn quốc.
7	Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá (Bộ Tài chính)	<ul style="list-style-type: none"><li>- Đối với địa phương: Phục vụ đồng bộ tự động thông tin về giá từ CSDL về giá của địa phương với CSDLQG về giá do Bộ Tài chính quản lý bảo đảm sự thống nhất thông tin về giá ở các cơ quan ở trung ương và địa phương.</li></ul>



STT	CSDL/HTTT	MỤC ĐÍCH
		- Đối với các cơ quan nhà nước: Truy vấn thông tin về giá từ CSDLQG về giá phục vụ quản lý, chỉ đạo, điều hành của cơ quan được kịp thời, hiệu quả.
8	Cơ sở dữ liệu đăng kiểm phương tiện (Bộ Giao thông vận tải)	Khai thác thông tin đăng kiểm của phương tiện giao thông (nhãn hiệu, loại xe, tải trọng hàng hóa, biển số đăng ký) theo thời gian thực phục vụ nghiệp vụ quản lý giao thông vận tải, thông quan... của bộ, ngành, địa phương.
9	Cơ sở dữ liệu giấy phép lái xe (Bộ Giao thông vận tải)	Khai thác thông tin trên giấy phép lái xe (số giấy phép lái xe, họ và tên, ngày tháng năm sinh, hạng...) theo thời gian thực. Hiện tại, Bộ Giao thông vận tải mới cấp cho Bộ Công an, cho phép công dân tra cứu, hiển thị trên ứng dụng VNeID.
10	Hệ thống cấp phiếu lý lịch tư pháp trực tuyến (Bộ Tư pháp)	- Liên thông hồ sơ từ HTTT giải quyết TTHC của địa phương với Hệ thống cấp phiếu lý lịch tư pháp trực tuyến của Bộ Tư pháp (để tránh phải nhập hồ sơ trên 02 phần mềm). - Khai thác thông tin trạng thái xử lý, trả kết quả thủ tục hành chính cấp phiếu lý lịch tư pháp trực tuyến của các địa phương.
11	Hệ thống thông tin đăng ký và quản lý hộ tịch (Bộ Tư pháp)	- Liên thông hồ sơ từ giải quyết TTHC của địa phương với Hệ thống thông tin đăng ký và quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp (để tránh phải nhập hồ sơ trên 02 phần mềm). - Thông tin trạng thái xử lý, trả kết quả thủ tục hành chính về hộ tịch của các địa phương. - Thực hiện liên thông hồ sơ khai sinh, cấp thẻ BHYT cho trẻ dưới 6 tuổi (để tránh phải nhập hồ sơ trên 02 phần mềm). - Thông tin trạng thái xử lý, trả kết quả thủ tục hành chính khai sinh, cấp thẻ bảo hiểm y tế.
12	Hệ thống cấp mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách (Bộ Tài chính)	Khai thác thông tin trạng thái xử lý, trả kết quả thủ tục hành chính cấp mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách của các địa phương (để tránh phải nhập hồ sơ trên 02 phần mềm).
13	Hệ thống thông tin quản lý danh mục điện tử dùng chung của các cơ quan nhà nước phục vụ phát triển Chính phủ điện tử Việt Nam (Bộ Thông tin và Truyền thông)	Khai thác dữ liệu danh mục điện tử dùng chung phục vụ việc kết nối, tích hợp và chia sẻ dữ liệu giữa các CSDL, HTTT bảo đảm thống nhất, đồng bộ trong toàn quốc.
14	Công liên thông TNMT-Thuế (Bộ Tài nguyên và Môi trường)	Liên thông gửi phiếu chuyển nghĩa vụ tài chính khi thực hiện các thủ tục hành chính liên quan đến đất đai giữa giải quyết TTHC của địa phương với phần mềm chuyên ngành đăng ký đất đai và Hệ thống của Tổng Cục Quản lý đất đai để gửi sang hệ thống của Tổng Cục Thuế.
15	Hệ thống quản lý giao thông vận tải	Phục vụ các địa phương tra cứu thông tin hồ sơ thủ tục hành chính theo thời gian thực, cho phép lấy về danh sách hồ sơ thủ



STT	CSDL/HTTT	MỤC ĐÍCH
	(Bộ Giao thông vận tải)	tục hành chính lĩnh vực quản lý vận tải đường bộ ( <i>để tránh phải nhập hồ sơ trên 02 phần mềm</i> ).
16	Công dịch vụ công của Bộ Xây dựng	Phục vụ đồng bộ trạng thái xử lý, trả kết quả, hồ sơ giải quyết thủ tục hành về thông báo nhà ở hình thành trong tương lai đủ điều kiện bán, cho thuê mua giữa Công dịch vụ công của Bộ Xây dựng với HTTT giải quyết TTHC của địa phương ( <i>để tránh phải nhập hồ sơ trên 02 phần mềm</i> ).
17	Hệ thống Đăng ký, giải quyết chính sách trợ giúp xã hội trực tuyến và rà soát, cập nhật cơ sở dữ liệu về trợ giúp xã hội	<ul style="list-style-type: none"><li>- Liên thông hồ sơ từ giải quyết TTHC của địa phương với Hệ thống phần mềm Đăng ký, giải quyết chính sách trợ giúp xã hội trực tuyến và rà soát, cập nhật cơ sở dữ liệu về trợ giúp xã hội của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội (<i>để tránh phải nhập hồ sơ trên 02 phần mềm</i>), bảo đảm đồng bộ giữa Trung ương và địa phương.</li><li>- Đồng bộ thông tin trạng thái xử lý, trả kết quả thủ tục hành chính giải quyết chính sách trợ giúp xã hội trực tuyến và rà soát, cập nhật cơ sở dữ liệu về trợ giúp xã hội giữa Trung ương và địa phương.</li></ul>
18	Hệ thống danh mục điện tử dùng chung của Bộ Tài chính	Chia sẻ dữ liệu danh mục điện tử dùng chung thuộc lĩnh vực tài chính với các CSDL, HTTT trong cơ quan nhà nước bảo đảm thống nhất, đồng bộ. Hiện tại, Bộ Tài chính đã cung cấp cho Kiểm toán nhà nước, Bảo hiểm Xã hội Việt Nam.
19	Hệ thống danh mục dùng chung của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Chia sẻ dữ liệu danh mục ngân hàng, tổ chức tín dụng, tỷ giá trung tâm, tỷ giá tính chéo giữa VNĐ và một ngoại tệ khác, tỷ giá tham khảo tại Sở giao dịch với các CSDL, HTTT trong cơ quan nhà nước bảo đảm thống nhất, đồng bộ. Hiện tại, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã cung cấp cho Kiểm toán nhà nước.
20	Hệ thống phục vụ dịch vụ công của Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam	Trạng thái tiếp nhận hồ sơ trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ Bưu chính công ích (Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg).
21	Hệ thống mã bưu chính Vpostcode (Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam)	Khai thác địa chỉ số cho mọi nhà kết hợp giữa mã bưu chính quốc gia và mã vị trí trên bản đồ số phục vụ phát triển các ứng dụng có chức năng tra cứu, chỉ đường, chia sẻ vị trí trực tuyến một cách chính xác, tiện lợi.
22	Hệ thống dịch vụ, tiện ích của Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN)	Cung cấp thêm kênh để công dân các địa phương có thể đăng ký cấp điện mới, upload hình ảnh hồ sơ, tra cứu thông tin cắt điện trên cổng thông tin, ứng dụng di động của địa phương; các địa phương có thông tin tiêu thụ điện trên địa bàn tỉnh theo năm, thông tin tiêu thụ điện theo địa bàn cấp huyện theo tháng phục vụ việc quản lý, chỉ đạo điều hành, lập quy hoạch, kế hoạch phát triển điện tại địa phương.
23	Hệ thống định danh và xác thực điện tử (Bộ Công an)	Cung cấp chức năng đăng nhập một lần (SSO) bằng tài khoản được cấp bởi Hệ thống định danh và xác thực điện tử trên các hệ thống, ứng dụng của các bộ, ngành, địa phương.





**Phụ lục 2:**  
**Hiện trạng kết nối, chia sẻ dữ liệu của các cơ quan hành chính nhà nước**

TT	Cơ quan	Tính đến tháng 6/2023 (Kết nối chính thức và kỹ thuật)	Năm 2022 (Kết nối chính thức)
<b>I</b>	<b>BỘ, NGÀNH</b>		
1	Bộ Quốc phòng	1, 2, 3, 6, 13	6, 13
2	Bộ Công an	1, 3, 4, 9	3, 9
3	Bộ Ngoại giao	2, 5, 13, 20	13
4	Bộ Tư pháp	2, 5, 11, 20	2, 11, 20
5	Bộ Tài chính	2, 18, 20,	18, 20
6	Bộ Công Thương	1, 5, 11, 13	Không có
7	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	1, 2, 3, 5, 6, 13, 20	1, 2, 3, 13, 20
8	Bộ Giao thông vận tải	1, 2, 5, 6, 13, 20	1, 2, 6, 13, 20
9	Bộ Xây dựng	5, 13, 20	13, 20
10	Bộ Thông tin và Truyền thông	1, 2, 3, 5, 6, 13, 20	1, 2, 6, 13, 20
11	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2, 5, 13, 20	2, 13, 20
12	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	5, 6, 20	6
13	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	1, 2, 20	1, 2
14	Bộ Nội vụ	3, 5, 6, 13	3, 6, 13
15	Bộ Y tế	1, 2, 3, 5, 13, 20	1, 2, 3, 13, 20
16	Bộ Khoa học và Công nghệ	5, 20	Không có
17	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	5, 20, Paygov	20, Paygov
18	Bộ Tài nguyên và Môi trường	1, 3, 5, 6, 13, 20	1, 3, 13
19	Kiểm toán Nhà nước	1, 5, 13, 18, 19	1, 13, 18, 19
20	Văn phòng Chính phủ	13	13
21	Thanh tra Chính phủ	Không có	
22	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	1, 2, 6, 13, 20	1, 6, 13, 20
23	Ủy ban Dân tộc	5	Không có
24	Đài Tiếng nói Việt Nam	5	Không có
25	Ban Quản lý Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh	5	Không có
26	Bảo hiểm Xã hội Việt Nam	1, 2	1, 2
27	Thông tấn xã Việt Nam	5, 13	Không có
28	Đài truyền hình Việt Nam	5	Không có
29	Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	5	Không có
30	Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam	5	Không có



31	Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp	5	Không có
<b>II</b>	<b>ĐỊA PHƯƠNG</b>		
1	An Giang	1, 2, 3, 5, 7, 10, 11, 12, 13, 14, 16, 17	7, 10, 11, 12, 13
2	Bắc Giang	1, 2, 3, 5, 6, 7, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 20, 22	1, 3, 6, 7, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 20
3	Bắc Kạn	1, 2, 3, 4, 5, 6, 8, 10, 11, 12, 13, 15, 17, 20, paygov	1, 3, 4, 6, 10, 11, 12, 13, paygov
4	Bạc Liêu	1, 2, 5, 7, 10, 11, 13, 20	6, 20
5	Bắc Ninh	1, 2, 3, 5, 10, 11, 12, 13, 20	11, 13
6	Bà Rịa Vũng Tàu	1, 2, 3, 5, 6, 10, 11, 12, 13, 16, 17, 20	1, 11, 12, 20
7	Bến Tre	1, 2, 3, 5, 7, 10, 11, 14, 15, 17, 20	1, 3, 7, 11, 14, 20
8	Bình Định	1, 2, 3, 5, 7, 10, 11, 12, 13, 15, 16, 17, 20	1, 10, 11, 13
9	Bình Dương	1, 2, 3, 4, 5, 6, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 20	1, 3, 6, 10, 12, 20
10	Bình Phước	1, 2, 3, 5, 10, 11, 13, 15, 16, 17, 20	1, 10, 11, 20
11	Bình Thuận	1, 2, 3, 5, 6, 10, 11, 12, 13, 17, 20	1, 11, 12, 13, 20
12	Cà Mau	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 10, 11, 12, 13, 17, 20, 21	1, 2, 6, 10, 11, 12, 13
13	Thành phố Cần Thơ	1, 2, 3, 6, 7, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 20,	1, 3, 6, 10, 11, 13, 14, 20
14	Cao Bằng	1, 2, 5, 10, 11, 12, 15, 16, 17, 20	10, 11, 15
15	Đắk Lắk	1, 3, 4, 5, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 20	1, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 20
16	Đắk Nông	1, 2, 3, 5, 6, 10, 11, 12, 13, 14, 17	1, 6, 10, 11, 13
17	Thành phố Đà Nẵng	1, 2, 3, 4, 5, 6, 10, 11, 12, 13, 16, 20	1, 3, 6, 10, 11, 13
18	Điện Biên	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 10, 11, 12, 13, 15, 16, 17, 20, 21,	1, 3, 5, 6, 7, 10, 11, 12, 13, 20
19	Đồng Nai	1, 2, 3, 5, 6, 8, 10, 11, 12, 13, 16, 17, 20, 22	1, 3, 6, 10, 11, 13, 20
20	Đồng Tháp	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 20	1, 7, 10, 11, 20
21	Gia Lai	1, 2, 3, 5, 6, 7, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 20	1, 3, 6, 7, 10, 11, 13, 16, 20
22	Hà Giang	1, 2, 3, 5, 6, 10, 11, 12, 13, 15, 17, 20	1, 6, 10, 11, 12, 15
23	Hải Dương	1, 2, 3, 5, 6, 8, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 17, 20	1, 6, 10, 11, 13, 14, 15, 20
24	Hải Phòng	1, 2, 3, 4, 5, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 20	1, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 20
25	Hà Nam	1, 2, 3, 5, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 20	1, 10, 11, 12, 20
26	Thành phố Hà Nội	1, 2, 3, 5, 6, 10, 11, 12, 13, 20	1, 6, 11, 13, 20



27	Hà Tĩnh	1, 2, 3, 5, 6, 8, 10, 11, 12, 13, 14, 20	1, 6, 10, 11, 12, 13, 14, 20
28	Hòa Bình	1, 2, 3, 5, 7, 10, 11, 12, 13, 17, 20	1, 3, 10, 11, 12
29	Thành phố Hồ Chí Minh	1, 2, 3, 5, 10, 11, 13, 14, 15, 20	1, 10, 20
30	Hậu Giang	1, 2, 3, 5, 10, 11, 12, 13, 17, 20	1, 10, 11, 13, 20
31	Hưng Yên	1, 2, 3, 5, 10, 11, 12, 13, 20	1, 10, 11, 20
32	Khánh Hòa	2, 5, 6, 10, 11, 13, 14, 15	6, 10, 13, 14, 15
33	Kiên Giang	1, 2, 3, 4, 5, 7, 10, 11, 12, 16, 17, 20, 21, 22	1, 7, 10, 16, 20
34	Kon Tum	1, 2, 3, 5, 10, 11, 12, 13, 15, 16, 17, 20	1, 10, 12, 13, 20
35	Lai Châu	1, 2, 3, 5, 6, 10, 11, 12, 13, 20	1, 3, 6, 10, 11, 12, 13, 20
36	Lâm Đồng	1, 2, 3, 4, 5, 6, 10, 11, 12, 13, 14, 16, 17, 20, 21	1, 3, 6, 10, 11, 12, 20
37	Lạng Sơn	1, 2, 3, 5, 6, 7, 8, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 20	1, 6, 8, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16
38	Lào Cai	1, 2, 3, 5, 7, 8, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 17, 20	1, 7, 8, 10, 11, 12, 13, 14, 20
39	Long An	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 10, 11, 12, 13, 15, 16, 17, 20, 22	1, 6, 10, 11, 13, 14, 15, 16, 20
40	Nam Định	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 20	1, 3, 4, 6, 7, 10, 11, 12, 13, 20
41	Nghệ An	1, 2, 3, 4, 5, 6, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 17, 20, 22	1, 3, 6, 10, 11, 12, 13, 20
42	Ninh Bình	1, 2, 3, 5, 6, 7, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 20	1, 3, 6, 10, 11, 12, 13, 20
43	Ninh Thuận	1, 2, 3, 5, 7, 8, 10, 11, 12, 13, 15, 16, 17, 20	1, 3, 10, 11, 12, 13, 14, 20
44	Phú Thọ	1, 2, 3, 5, 10, 11, 12, 13, 17, 20	1, 10, 11, 12, 20
45	Phú Yên	1, 2, 3, 4, 10, 11, 13, 14, 15, 16, 17, 20	11, 13, 20
46	Quảng Bình	1, 2, 3, 7, 10, 11, 12, 13, 16, 20	1, 10, 11, 12, 13, 20
47	Quảng Nam	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 20, 21, 22	1, 3, 4, 6, 8, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 20, 21, 22
48	Quảng Ngãi	1, 5, 10, 11, 12, 13, 14, 16, 17, 20	1, 10, 11, 20
49	Quảng Ninh	1, 2, 5, 10, 11, 13, 20, paygov	1, 10, 11, 13, 20, paygov
50	Quảng Trị	1, 2, 3, 5, 6, 7, 10, 11, 12, 13, 14, 16, 17, 20	1, 10, 11, 12, 13, 20
51	Sóc Trăng	1, 2, 3, 5, 6, 10, 11, 12, 13, 14, 17, 20	1, 3, 6, 10, 11, 13, 20
52	Sơn La	1, 2, 3, 4, 5, 6, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 20	1, 6, 10, 11, 12, 13, 15, 16, 20
53	Tây Ninh	1, 2, 3, 4, 5, 6, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 20	1, 6, 11, 13



54	Thái Bình	1, 2, 3, 5, 6, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 20	1, 3, 6, 11, 12, 13, 16, 20
55	Thái Nguyên	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 20, 22	1, 3, 4, 6, 7, 10, 11, 12, 13, 15, 20, 22
56	Thanh Hóa	1, 2, 3, 4, 5, 6, 8, 10, 11, 12, 13, 15, 16, 17, 20	1, 3, 4, 6, 10, 11, 12, 13, 20
57	Thừa Thiên Huế	1, 2, 3, 5, 10, 11, 12, 14, 15, 17, 23	1, 5, 10, 11, 12
58	Tiền Giang	1, 2, 3, 4, 5, 6, 10, 11, 13, 14, 15, 16, 17, 20	1, 10, 11, 13, 14, 20
59	Trà Vinh	1, 2, 3, 5, 6, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 20	1, 3, 10, 11, 12, 13, 15, 20
60	Tuyên Quang	1, 2, 3, 4, 5, 6, 10, 11, 12, 15, 20	4, 10, 11, 15
61	Vĩnh Long	1, 2, 3, 5, 6, 10, 11, 12, 13, 14, 17, 20	1, 3, 6, 10, 11, 12, 13, 20
62	Vĩnh Phúc	1, 2, 3, 4, 5, 6, 10, 11, 12, 13, 14, 17, 20, 22	1, 3, 6, 10, 11, 12, 13, 14, 20
63	Yên Bái	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 20, 21, 22	1, 3, 4, 6, 8, 10, 11, 12, 13, 15, 20, 21

#### Ghi chú:

- Kết nối chính thức là kết nối được đưa vào khai thác trên môi trường chính thức, phát sinh giao dịch thường xuyên; được sử dụng để phục vụ đánh giá mức độ chuyển đổi số, chỉ số cải cách hành chính (Par Index) của các bộ, ngành, địa phương hằng năm.
- Kết nối kỹ thuật là kết nối đang thực hiện trên môi trường thử nghiệm kỹ thuật, chưa đưa vào khai thác chính thức hoặc có phát sinh giao dịch trên môi trường chính thức nhưng số lượng rất hạn chế, chỉ phục vụ thử nghiệm, không phát sinh giao dịch thường xuyên; không được sử dụng để đánh giá mức độ chuyển đổi số, chỉ số cải cách hành chính (Par Index) của các bộ, ngành, địa phương hằng năm./.



**Phụ lục 3:**  
**Danh sách các dịch vụ chia sẻ dữ liệu trên NDXP**  
**và số giao dịch khai thác, sử dụng năm 2023**  
(Số liệu cập nhật tính đến 18h ngày 07/6/2023)

TT	Dịch vụ	Tổng giao dịch	Lỗi
1	Gửi hồ sơ, đồng bộ trạng thái xử lý, trả kết quả giải quyết TTHC về hộ tịch dạng điện tử (HTTT đăng ký và quản lý hộ tịch với HTTT giải quyết TTHC của địa phương)	67.071.102	1,53%
2	Xác thực, cung cấp số định danh, chia sẻ thông tin công dân (CSDLQG về Dân cư cung cấp, dùng chung cho bộ, ngành)	51.854.568	0,03%
3	Dịch vụ chia sẻ thông tin thẻ BHYT từ CSDLQG về Bảo hiểm	27.484.122	1,95%
4	Xác thực, gợi ý số định danh, tra cứu thông tin công dân, đồng bộ dữ liệu BHXH (CSDLQG về Dân cư với CSDLQG về Bảo hiểm)	21.237.944	0,11%
5	Dịch vụ chia sẻ dữ liệu giấy phép lái xe (Bộ Giao thông vận tải cấp cho các cơ quan có nhu cầu)	18.389.688	5,84%
6	Đồng bộ làm giàu dữ liệu dân cư (CSDLQG về Dân cư với các CSDL/HTTT của bộ, ngành, địa phương, tổ chức, doanh nghiệp)	12.637.802	0,03%
7	Dịch vụ đồng bộ, chia sẻ dữ liệu về công chức, viên chức (CSDLQG về CBCCVC với CSDL/HTTT quản lý CBCCVC của bộ, ngành, địa phương)	10.791.652	3,38%
8	Tra cứu thông tin doanh nghiệp (CSDLQG về ĐKDN với CSDL/HTTT của bộ, ngành)	11.908.654	23,12%
9	Tra cứu thông tin doanh nghiệp, đồng bộ trạng thái xử lý hồ sơ đăng ký doanh nghiệp (CSDLQG về ĐKDN với HTTT giải quyết TTHC của địa phương)	9.547.986	5,95%
10	Gửi hồ sơ, đồng bộ trạng thái xử lý, trả kết quả TTHC cấp phiếu lý lịch tư pháp (Hệ thống cấp phiếu lý lịch tư pháp trực tuyến của Bộ Tư pháp với HTTT giải quyết TTHC của địa phương)	9.188.297	2,63%





11	Đăng ký, kiểm tra trạng thái tiếp nhận hồ sơ, chuyên trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích (Hệ thống DVC công của VNPOST với HTTT giải quyết thủ tục hành chính của bộ, ngành, địa phương)	3.977.470	2,64%
12	Dịch vụ chia sẻ dữ liệu từ CSDLQG về Bảo hiểm (BHXH Việt nam cung cấp cho cơ quan nhà nước, tổ chức, doanh nghiệp)	3.476.874	0,63%
13	Gửi hồ sơ, đồng bộ trạng thái xử lý, trả kết quả TTHC về đăng ký, giải quyết chính sách trợ giúp xã hội (Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội với HTTT giải quyết TTHC của địa phương)	2.788.715	0,73%
14	Xác thực công dân, đồng bộ dữ liệu tiêm chủng COVID-19 (CSDLQG về dân cư với Hệ thống quản lý tiêm chủng COVID-19 của Bộ Y tế)	1.382.886	0,00%
15	Cấp/hủy/thay đổi số định danh, đồng bộ dữ liệu hộ tịch (CQDLQG về dân cư với CSDL hộ tịch điện tử toàn quốc)	1.071.467	0,40%
16	Đồng bộ dữ liệu hộ tịch giữa HTTT đăng ký và quản lý hộ tịch với CSDLQG về dân cư	963.942	0,52%
17	Đồng bộ trạng thái xử lý, trả kết quả TTHC lĩnh vực đường bộ (Hệ thống dịch vụ công vận tải đường bộ của Bộ Giao thông vận tải với HTTT giải quyết TTHC của địa phương)	948.901	0,06%
18	Đồng bộ thông tin hồ sơ, trạng thái xử lý TTHC liên quan đến đất đai có thực hiện nghĩa vụ thuế (Cổng liên thông TNMT-Thuế với Cổng DVC/MCĐT/VBDLIS của địa phương)	899.590	1,03%
19	Tra cứu, tìm kiếm, tải văn bản QPPL (Hệ thống Văn bản quy phạm pháp luật với các hệ thống của bộ, ngành, địa phương)	130.080	0,02%
20	Xác thực, tra cứu thông tin hộ gia đình tham gia bảo hiểm (CSDL hộ gia đình tham gia Bảo hiểm với hệ thống của bộ, ngành, địa phương)	142.514	10,18%
21	Liên thông đăng ký khai sinh và cấp thẻ BHYT cho trẻ dưới 6 tuổi (HTTT đăng ký và quản lý hộ tịch với CSDLQG về Bảo hiểm)	127.159	0,80%



22	Chia sẻ dữ liệu về số lao động đăng ký đóng bảo hiểm khi doanh nghiệp thực hiện thủ tục ĐKDN (CSDLQG về Đăng ký doanh nghiệp với CSDLQG về Bảo hiểm)	93.166	3,05%
23	Đồng bộ hồ sơ, trạng thái xử lý TTHC cấp mã số cho các đơn vị có quan hệ với ngân sách (Hệ thống cấp mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách và HTTT giải quyết TTHC của địa phương)	84.843	0,08%
24	Xác thực thông tin công dân, đồng bộ dữ liệu ngành Giáo dục và Đào tạo với CSDLQG về Dân cư (CSDLQG về Dân cư cấp cho Bộ Giáo dục và Đào tạo)	84.348	0,00%
25	Xác thực thông tin công dân (CSDLQG về Dân cư với HTTT giải quyết thủ TTHC của địa phương)	59.073	1,77%
26	Chia sẻ dữ liệu danh mục điện tử dùng chung (Hệ thống Danh mục dùng chung quốc gia với các CSDL, HTTT của bộ, ngành, địa phương)	34.300	4,14%
27	Đồng bộ hồ sơ, trạng thái xử lý TTHC thông báo nhà ở hình thành trong tương lai đủ điều kiện bán, cho thuê mua (Cổng dịch vụ công của Bộ Xây dựng với HTTT giải quyết TTHC của địa phương)	31.325	1,04%
28	Đăng ký sử dụng, tra cứu thông tin tiêu thụ điện, tiêu thụ điện theo huyện, theo tháng (EVN với hệ thống của địa phương )	23.874	0,60%
29	Chia sẻ dữ liệu đăng kiểm phương tiện (CSDL đăng kiểm phương tiện của Bộ Giao thông vận tải với các CSDL/HTTT của bộ, ngành, địa phương)	8.822	3,68%
30	Xác thực, tra cứu thông tin người tham gia bảo hiểm (CSDLQG về bảo hiểm với các Hệ thống phục vụ phòng, chống dịch COVID-19)	6.393	0,33%
31	Chia sẻ dữ liệu quá trình đóng bảo hiểm (CSDLQG về bảo hiểm với các CSD/HTTT của bộ, ngành, địa phương)	3.981	1,38%



32	Chia sẻ danh mục dùng chung ngành Tài nguyên và Môi trường, quy hoạch sử dụng đất, hiện trạng sử dụng đất, điều tra sử dụng đất (CSDL đất đai quốc gia với CSDL/HTTT của bộ, ngành, địa phương)	1.238	0,40%
33	Trả thông tin địa chỉ từ mã VPostcode phục vụ phòng chống COVID	1.031	0,00%
34	Khai thác, đồng bộ dữ liệu về giá (CSDL về giá của địa phương và CSDLQG về giá do Bộ Tài chính quản lý)	397	0,25%
35	Dịch vụ chia sẻ dữ liệu giám định BHXH (BHXH Việt Nam cung cấp cho các cơ quan, đơn vị có nhu cầu)	102	0,00%
36	Danh mục dùng chung Ngân hàng nhà nước	35	0,00%
37	Dịch vụ liên thông dữ liệu Giấy chứng sinh, Giấy báo tử	35	0,00%
38	Xác thực, làm giàu dữ liệu về đăng ký doanh nghiệp với CSDLQG về Dân cư (CSDLQG về Đăng ký doanh nghiệp cấp cho CSDLQG về Dân cư)	13	0,00%
39	Chia sẻ dữ liệu báo cáo thông tin thống kê tài chính (Bộ Tài chính cung cấp cho Kiểm toán nhà nước)	12	0,00%
40	Dịch vụ cung cấp thông tin người dùng trên ứng dụng VNeID	6	0,00%
41	Dịch vụ bản đồ số của Bộ Tài nguyên và Môi trường	4	0,00%



**Phụ lục 4:**  
**Thống kê số lượng giao dịch của các bộ, ngành, địa phương qua NDXP**  
**năm 2023 (Số liệu cập nhật tính đến 18h ngày 07/6/2023)**

<b>TT</b>	<b>Bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp</b>	<b>Giao dịch khai thác dữ liệu</b>
<b>I</b>	<b>BỘ, NGÀNH</b>	
1	Bộ Công an	45.872.538
2	Bộ Giao thông vận tải	32.782.601
3	Bảo hiểm Xã hội Việt Nam	29.553.971
4	Bộ Giáo dục và Đào tạo	25.274.838
5	Kiểm toán Nhà nước	11.339.944
6	Bộ Tư pháp	2.165.889
7	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	1.858.929
8	Bộ Y tế	1.390.525
9	Bộ Thông tin và Truyền thông	600.868
10	Bộ Nội vụ	218.127
11	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	196.694
12	Bộ Tài chính	38.444
13	Bộ Tài nguyên và Môi trường	20.223
14	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	12.872
15	Thông tấn xã Việt Nam	4.335
16	Đài Truyền hình Việt Nam	3.475
17	Đài Tiếng nói Việt Nam	1.869
18	Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp	1.321
19	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	1.250
20	Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam	1.235
21	Ủy ban Dân tộc	1.226
22	Bộ Ngoại giao	1.224
23	Văn phòng Chính phủ	574
24	Bộ Quốc phòng	330
25	Ban Quản lý lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh	247
26	Bộ Xây dựng	182
27	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	52



<b>TT</b>	<b>Bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp</b>	<b>Giao dịch khai thác dữ liệu</b>
28	Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	45
29	Bộ Khoa học và Công nghệ	39
30	Bộ Công Thương	38
<b>II</b>	<b>TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG</b>	
1	Lào Cai	42.484.058
2	Quảng Bình	11.663.606
3	Đắk Lắk	10.885.372
4	Long An	7.534.979
5	Thành phố Hà Nội	7.029.387
6	Nam Định	3.807.441
7	Ninh Thuận	2.109.062
8	Vĩnh Phúc	1.744.752
9	Lai Châu	1.367.670
10	Quảng Ninh	1.201.194
11	Thành phố Cần Thơ	1.190.048
12	Vĩnh Long	1.032.712
13	Thừa Thiên Huế	1.084.661
14	Thái nguyên	806.269
15	Bắc Giang	814.391
16	Bạc Liêu	801.801
17	Thành phố Hồ Chí Minh	803.629
18	Điện Biên	635.821
19	Sóc Trăng	605.427
20	Hà Tĩnh	498.253
21	Thành phố Hải Phòng	473.030
22	Bình Thuận	503.453
23	Hải Dương	426.762
24	Cà Mau	444.392
25	Quảng Nam	396.441
26	Bà Rịa - Vũng tàu	291.246





<b>TT</b>	<b>Bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp</b>	<b>Giao dịch khai thác dữ liệu</b>
27	Đồng Nai	301.768
28	Tuyên Quang	259.779
29	Ninh Bình	239.328
30	Tiền Giang	229.337
31	Hậu Giang	229.949
32	Bình Dương	223.416
33	Thành phố Đà Nẵng	236.676
34	Gia Lai	202.961
35	Nghệ An	203.040
36	Bình Định	178.419
37	An Giang	168.134
38	Yên Bái	154.164
39	Kiên Giang	154.793
40	Tây Ninh	146.497
41	Đồng Tháp	142.776
42	Lâm Đồng	139.207
43	Kon Tum	133.985
44	Khánh Hòa	127.375
45	Sơn La	114.224
46	Bến Tre	109.052
47	Quảng Ngãi	94.856
48	Hà Nam	95.207
49	Thanh Hóa	101.931
50	Hưng Yên	90.908
51	Lạng Sơn	86.370
52	Thái Bình	71.802
53	Hà Giang	69.369
54	Hòa Bình	66.099
55	Đắk Nông	63.992
56	Cao Bằng	62.991



<b>TT</b>	<b>Bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp</b>	<b>Giao dịch khai thác dữ liệu</b>
57	Phú Thọ	62.195
58	Bắc Ninh	65.483
59	Bình Phước	48.404
60	Trà Vinh	30.787
61	Quảng Trị	27.974
62	Bắc Kạn	10.273
63	Phú Yên	2.118
<b>III</b>	<b>DOANH NGHIỆP</b>	
1	Tổng Công ty bảo hiểm PVI	2.621.429
2	Tập đoàn Công nghiệp Viễn thông Quân đội (Viettel)	1.107.196
3	Tổng công ty Viễn thông Mobifone	343.930
4	Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT)	137.881